TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH** Bản án số: 10/2024/DS-PT Ngày: 11 - 3- 2024 V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Lệ Thu.

Các thẩm phán: Ông Trần Khắc Hoàng, ông Hoàng Ngọc Tùng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Hoàng Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 11/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử công khai vụ án thụ lý số 01/2024/TLST-DS ngày 08/01/2024 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐ-PT, ngày 21/02/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị Minh H, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn D, xã Q, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh – có mặt.

- *Bị đơn:*

+ Bà Lê Thị H1, sinh năm: 1963 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1962; địa chỉ: Thôn D, xã Q, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; ông T có văn bản ủy quyền lại cho bà Lê Thị H1 tham gia tố tụng; có mặt bà H1, vắng mặt ông T.

+ Ông Mai Trọng M, sinh năm 1964 và bà Trần Thị T1, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn D, xã Q, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; bà T1 có văn bản ủy quyền lại cho ông Mai Trọng M tham gia tố tụng; có mặt ông M, vắng mặt bà T1.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Mai Trọng P, sinh năm 1922; địa chỉ: Thôn D, xã Q, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Ông Mai Trọng M, sinh năm 1964 (con trai ông P); địa chỉ: Thôn D, xã Q, H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt ông P, có mặt ông M.

+ Ông Mai Trọng B, sinh năm 1960; địa chỉ: Số nhà B, đường A, khu phố G, phường T, tp T, tp Hồ Chí Minh; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Bích H2, sinh năm 1963; địa chỉ: Số H, ngõ B, đường H, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Chị Mai Thu L, sinh năm 1989; địa chỉ: Số nhà A, chung cư G N, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Chị Mai Thị Thu H3, sinh năm 1992; địa chỉ: Số nhà A, chung cư C, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Mai Trọng T2, sinh năm 1950; địa chỉ: Số nhà E, ngõ A T, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Anh Mai Trọng Q, sinh năm 1987 và chị Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn D, xã Q, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Người đại diện theo ủy quyền của anh Q, chị T3: Ông Mai Trọng M, sinh năm 1964 (cha của anh Q); địa chỉ: Thôn D, xã Q, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt anh Q, chị T3, có mặt.

+ UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh - Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Bình T4 - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện; Người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Quốc T5 - Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H; ông T5 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chi nhánh Văn phòng Đ1, Đ - Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn H4 - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh; Người đại diện theo ủy quyền ông Phan Thanh H5 - Chức vụ: Cán bộ Chi nhánh Văn phòng Đ1 - Đ - có mặt.

+ UBND xã Q, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh - Người đại diện theo pháp luật ông Lê Trường S - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã; Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn T6 - Chức vụ: Phó CT UBND xã và ông Nguyễn Huy G - Chức vụ: Công chức Tư pháp xã: ông T6 và ông G đều có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2023 và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Đinh Thị Minh H6 trình bày:

Nguyên đơn bà Đinh Thị Minh H là con duy nhất của bà Phan Thị H7, chết năm 2012 và ông Đinh Xuân H8, chết năm 2016. Khi còn sống, cha mẹ của bà có tạo lập được một thửa đất hiện nay ở tại thôn D, xã Q, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, tháng 10 năm 2000, mảnh đất này đã được UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P769663. Đến năm 2007, khi nhà của cha mẹ xuống cấp thì bà H đã bỏ tiền ra xây dựng căn nhà mới. Sau khi cha mẹ chết, bà H đã làm thủ tục thừa kế và ngày 19/01/2017 UBND huyện H đã cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE717756, mang tên Đinh Thị Minh H với diện tích là 844,5m^2 trong đó có 300m^2 đất ở và 544,5m^2 đất trồng cây lâu năm.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì do phải làm ăn, buôn bán ở nước Lào nên bà H không ở nhà thường xuyên. Lợi dụng hoàn cảnh đó nên gia đình bà Lê Thị H1, ông Nguyễn Văn T là hàng xóm có đất tiếp tiếp giáp trước nhà nguyên đơn phía bên trái đã phá tường bếp, đào móng bếp, móng ngõ của bà H. Khi bà H về phát hiện sự việc đã yêu cầu gia đình bà H1, ông T trả lại đất nhưng cả hai không đồng ý. Bà H đơn đã đo vẽ, kiểm tra và xác định phần đất bị bà H1, ông T lấn chiếm khoảng 6,612m^2 có trị giá khoảng 1.100.000đ (theo kết quả thẩm định là 7,3m^2); ngoài ra bà H1, ông T còn làm máng nước chảy vào phần đất của bà H gây sạt lở tại

bếp của bà. Còn phía tiếp giáp bên phải, trước nhà có gia đình hộ ông Mai Trọng M, bà Trần Thị T1 cũng đã lợi dụng khi bà H vắng nhà, đã đào móng tường lấn sân, nới thêm nhà ngang bếp và xây nhà lấn chiếm phần đất khoảng 64m^2 có trị giá khoảng 11.000.000đ (theo kết quả thẩm định là 66,1m^2). Sự việc đã được chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng kết quả đều không thành.

Sau khi thụ lý vụ án, bà H còn có thêm yêu cầu bị đơn bà Lê Thị H1, ông Nguyễn Văn T phải đền bù thiệt hại sạt lở tường bếp của gia đình bà với chiều dài 3,5m, độ dày tường 30m và sạt lở nền bếp sâu 1,2m với phần bê tông ngõ 2,5m, rộng 80cm, dày 10cm, có tổng trị giá là 25.000.000đ; Buộc bị đơn ông Mai Trọng M, bà Trần Thị T1 tháo dỡ phần nhà ngang, phần nhà chính trên phần diện tích đất đã lấn chiếm. Với phần bờ rào 1,3m phía phải ngõ và chân tường sân nhà nguyên đơn dài khoảng 10m trị giá 5.000.000đ. Tuy nhiên quá trình hòa giải sau đó bà H đã rút yêu cầu này, bà Đinh Thị Minh H chỉ còn yêu Tòa án buộc bị đơn phải:

+ Buộc bị đơn bà Lê Thị H1, ông Nguyễn Văn T phải trả lại phần diện tích đất 7,3m^2 đã lấn chiếm (theo như kết quả thẩm định).

+ Buộc bị đơn ông Mai Trọng M, bà Trần Thị Thân d dọn các công trình trên đất để trả lại phần diện tích đất 66,1m^2 đã lấn chiếm (theo như kết quả thẩm định).

- *Bị đơn bà Lê Thị H1, ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Phần diện tích đất vườn hiện nay ông bà đang ở có nguồn gốc từ năm 1978 gia đình của bị đơn được cấp vườn ở (vườn ưu tiên cho hộ gia đình chính sách), được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550 mang tên bà Hồ Thị A (mẹ đẻ của bà Lê Thị H1) với diện tích đất được cấp là 750m^2. Sau đó thực hiện chủ trương của cấp trên đo đạc lại vườn ở và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đất vườn của gia đình của bị đơn được cấp có diện tích là 678,2m^2 (ít hơn so với diện tích cũ là 71,8m^2) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 322767, ngày 15/10/2015 của UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Phần diện tích đất này hiện nay đã được bà Hồ Thị A thừa kế lại cho bị đơn (Lê Thị H1, ông Lê Văn T7). Năm 2018, vì tường rào xây dựng lâu năm xuống cấp nên gia đình bà quyết định xây lại phần bờ rào phía sau nhà phần giáp vườn của bà Cù Thị N và bà Đinh Thị Minh H. Vì phần tường nhà bếp của bà H xây sau, áp vào tường rào và nằm trên móng bờ rào của bị đơn nên trước khi đào móng làm lại thì mẹ của bà H1 khi đó đã trực tiếp gặp bà H để trao đổi nhưng bà H nói là không sao cả. Khi gia đình bà đào móng thì chân tường của nhà bà H bị hỏng nên cát trào ra. Sau đó bà H đã làm đơn kiện nên chính quyền đến can thiệp và yêu cầu gia đình bà đình chỉ việc tháo dỡ tường rào. Qua nhiều lần hòa giải nhưng không thành, các cơ quan chức năng đã vào cuộc, đo đạc lại vườn ở của các gia đình, thời gian giải quyết sự việc kéo dài cho đến nay. Do vậy, nay bị đơn đề nghị Tòa án lần này giải quyết cho dứt điểm để gia đình bị đơn ổn định cuộc sống. Còn về khởi kiện của phía bà Đinh Thị Minh H thì bị đơn hoàn toàn không đồng ý bởi vì phần diện tích đất của bị đơn có nguồn gốc từ năm 1978. Trước đây, giữa mẹ của bị đơn và cha mẹ của bà Đinh Thị Minh H hoàn toàn không có bất cứ tranh chấp gì, phần đất hiện nay bà đang sử dụng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2015 theo hệ tọa độ rõ ràng. Bà H1 khẳng định hoàn toàn không lấn chiếm đất của bà H vì bà chỉ sử dụng phần diện tích đất trong giới hạn phần diện tích đất đã được cấp. Việc bà H

khởi kiện là vu khống một cách trắng trợn bởi phần diện tích đất của bà H cũng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng được cấp theo sơ đồ có tọa độ cố định, mốc giới được định vị rõ ràng.

- *Bị đơn ông Mai Trọng M, bà Trần Thị T1 trình bày:*

Phần diện tích vườn phía gia đình ông M, bà T1 đang ở có nguồn gốc được chính quyền cấp từ năm 1978. Hiện nay, đã cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 27, tờ bản đồ số 67 mang tên Mai Trọng P, bà Hà Thị Đ cha mẹ của bị đơn Mai Trọng M (bà Đ đã chết), với diện tích là 766,3m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DH 129688 ngày 16/3/2023. Mảnh vườn có phía Bắc giáp với vườn của ông Đinh Xuân H8 (cha của bà H). Trước đây, gia đình ông M bà T1 với ông H8 đã trồng 01 hàng cau gồm 10 cây để làm giới cận giữa hai gia đình. Vào năm 2001, thì ông H8 đã làm bờ rào khoảng 17m tiếp giáp với vườn gia đình ông. Đến năm 2012, gia đình ông xây dựng tiếp phần bờ rào nối với ông H8 đã xây trước đó. Khi xây thì hai bên đã thống nhất giới cận sau đó mới tiến hành đào móng xây. Sau đó khi gia đình ông tiến hành sửa sang xây dựng nhà ngang (nhà bếp) và con trai bị đơn là Mai Trọng Q (vợ là Nguyễn Thị Thanh T3) tiến hành xây dựng nhà cấp bốn trên phần đất thì cũng không có xảy ra tranh chấp gì. Do bà H thường xuyên đi nước Lào làm ăn nên không trực tiếp ở nhà chứng kiến và biết giới cận của hai mảnh vườn. Nay ông H8 đã chết, bà H là người được thừa kế. Việc H lại kiện ông lấn chiếm 64m^2 và yêu cầu gia đình ông M phải di dời hai ngôi nhà xây từ lâu là không có căn cứ. Gia đình ông không lấn chiếm, sử dụng hoàn toàn trong phần diện tích đã được cấp, phần ranh giới giữa hai mảnh vườn đã có bờ tường bằng táp lô phân định ranh giới. Trong đó có 01 đoạn là do phía gia đình bà H xây, một đoạn do gia đình ông xây từ lâu. Cả hai mảnh vườn đều đã được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo vị trí tọa độ. Do vậy, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn của bà Đinh Thị Minh H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Mai Trọng P (người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay bị đơn ông Mai Trọng M, bà Trần Thị T1 đang thực tế sử dụng), anh Mai Trọng Q, chị Nguyễn Thị Thanh T3 (là người có ngôi nhà xây nằm trong phần diện tích nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại) đã có văn bản ủy quyền lại cho bị đơn ông Mai Trọng M thay mặt tham gia tố tụng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Bích H9, Mai Thị Thu L1, Mai Thị Thu H3 là vợ và con của ông Mai Trọng M1 (ông M1 là con của ông Mai Trọng P, bà Hà Thị Đ, hiện nay ông M1 đã chết); ông Mai Trọng B, Mai Trọng T2 (con trai của ông Mai Trọng P, bà Hà Thị Đ), có văn bản trình bày ý kiến: Phần diện tích đất của phía bị đơn ông M, bà T1 cùng con trai là Mai Trọng Q đang sử dụng đã được ông Mai Trọng P, bà Hà Thị Đ sử dụng ổn định từ lâu, trước đây không có tranh chấp với ai và hiện nay đã được Nhà nước cấp cho cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định, việc bà Đinh Thị Minh H khởi kiện là hoàn toàn không có căn cứ, do vậy đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết vụ án một cách khách quan, công bằng. Hiện nay, do điều kiện làm ăn, sinh sống ở xa không về trực tiếp tham gia tố tụng được nên ủy quyền lại cho ông Mai Trọng M tham gia giải quyết vụ án.

- *Đại diện UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có ý kiến*:

Phần diện tích đất các bên tranh chấp đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có ranh giới rõ ràng theo định vị tọa độ cố định, do vậy đề nghị nguyên đơn và bị đơn phải nghiêm chỉnh chấp hành việc sử dụng phần diện đất trong giới hạn phần diện tích đã được cấp. Tranh chấp của các bên đã diễn ra trong thời gian tương đối dài, gây mất đoàn kết trong khu dân cư, do vậy đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để đưa phán quyết thấu tình, đạt lý, theo đúng quy định của pháp luật đồng thời qua đó để tuyên truyền cho những hộ dân khác trong việc chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về đất đai.

- *Đại diện* UBND xã Q, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh*, có ý kiến:* Quá trình hòa giải tại cơ sở thì UBND xã đã phân tích, đưa ra các tài liệu chứng minh nhưng các bên đã không thống nhất được với nhau để chấm dứt việc tranh chấp. Trước khi xảy ra sự việc, hai bên đang có mối quan hệ làng xó rất thân tình và không có tranh chấp. Nay vụ việc tranh chấp phải đưa ra xét xử, đề nghị Tòa án xem xét các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án do các bên xuất trình để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- *Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất* chi nhánh H10 - Đ *tham gia phiên tòa, có ý kiến:*

Phần đất của cả nguyên đơn và bị đơn đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Văn phòng đã cung cấp toàn bộ hồ sơ theo yêu cầu của Tòa án); trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai bên đều thể hiện việc cấp đất đã được thực hiện bằng hình thứ số hóa (cấp theo vị trí tọa độ), giới cận phần đất của các bên là cố định và không thể thay đổi (vì đã được định vị trên máy), cũng không thể có việc cấp đất chồng lấn lên nhau. Đáng lẽ ra các bên tranh chấp phải chấp hành nghiêm quyền sử dụng đất trong giới hạn phần đất của mình đã được cấp. Đề nghị Tòa án căn cứ các tài liệu chứng cứ để đưa ra phán quyết theo đúng quy định của pháp luật để các bên đương sự nói riêng cũng như những người dân khác hiểu và chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình sử dụng đất đai đã được cấp.

Tại bản án sơ thẩm số 08/2023/DSST ngày 24/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn đã Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 169 của Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 203; Điều 166, 170 Luật Đất đai;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Minh H.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Buộc nguyên đơn phải chịu 4.429.675đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Nguyên đơn đã nộp đủ tiền tạm ứng tại Tòa án, nay không phải nộp nữa.

Ngoài ra án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, trong hạn luật định ngày 06/12/2023 nguyên đơn bà Đinh Thị Minh H kháng cáo án sơ thẩm với nội dung: đề

nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, buộc ông Mai Trọng M1 phải trả lại cho bà 64m2 đất và số tiền 5 triệu đồng; buộc bà Lê Thị H1 phải trả cho bà 6,6m2 và 25 triệu đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của BLTTDS năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án DSST số 08/2023/DSST ngày 24/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn.

.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất"; bị đơn và đất tranh chấp có địa chỉ tại Thôn D, xã Q, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Tòa án nhân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như tư cách người tham gia tố tụng của các đương sự theo đúng quy định tại điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: nguyên đơn khởi kiện về việc buộc bị đơn bà Lê Thị H1, ông Nguyễn Văn T phải trả lại phần diện tích đất lấn chiếm 7,3m^2; buộc bị đơn ông Mai Trọng M, bà Trần Thị T1 phải trả lại phần diện tích đất 66,1m^2. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc và quyền sử dụng đất của nguyên đơn bà Đinh Thị Minh H: Phần diện tích đất của bà H có nguồn gốc nhận thừa kế quyền sử dụng đất từ bố mẹ là ông Đinh Xuân H8 và bà Phan Thị H7. Quá trình nhận thừa kế và sử dụng cho đến nay, bà H không có ý kiến gì và không có xảy ra tranh chấp. Do vậy, có đủ căn cứ để khẳng định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 717746 ngày 19/01/2017 của UBND huyện H (BL 05) cấp cho bà Đinh Thi Minh H tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 19 với diện tích là 844,5m^2 là hoàn toàn hợp pháp. Bà Đinh Thi Minh H có toàn quyền sử dụng phần diện tích đất 844,5m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, được Nhà nước bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của mình theo quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai.

[2.2] Về quyền sử dụng đất của bị đơn:

- Đối với bị đơn bà Lê Thị H1, ông Nguyễn Văn T: Phần diện tích đất của bà H1, ông T có nguồn gốc được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Quá trình cấp đất không có tranh chấp và sử dụng ổn định cho đến nay. Do vậy, có đủ căn cứ để khẳng định

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 322767 ngày 15/10/2015 của UBND huyện H (BL 59) cấp cho bị đơn bà Hồ Thị A (mẹ bà H1, đã làm thủ tục đăng ký biến động thừa kế lại cho bà H1, ông T) tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 19 với diện tích là 678,2m^2 là hoàn toàn hợp pháp. Vì vậy bà Lê Thị H1, ông Nguyễn Văn T có toàn quyền sử dụng phần diện tích đất 678,2m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp và được Nhà nước bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của mình theo quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai.

- Đối với bị đơn bà Mai Trọng M, bà Trần Thị T1: Phần diện tích đất hiện nay ông M, bà T1 đang sử dụng có nguồn gốc được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, như giao đất có thu tiền sử dụng đất 131,7m^2 và công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất 634,6m^2. Quá trình cấp đất và sử dụng cho đến nay, không có xảy ra tranh chấp và người được cấp cũng không có ý kiến gì. Vì vậy, có đủ căn cứ để khẳng định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DH 129688 ngày 16/3/2023 của UBND huyện H (BL 77) cấp cho ông Mai Trọng P, bà Hà Thị Đ (cha mẹ của ông M (hiện nay bà Đ đã chết) tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 67 với diện tích là 766,3m^2 là hoàn toàn hợp pháp. Ông Mai Trọng P cũng như những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Đ (trong đó có bị đơn ông M) có toàn quyền sử dụng phần diện tích đất 766,3m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp và được Nhà nước bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của mình theo quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai.

[2.3] Về nội dung kháng cáo:

Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Lê Thị H1, ông Nguyễn Văn T phải trả lại phần diện tích đất lấn chiếm 6,6m^2 đất và số tiền 25 triệu đồng; buộc bị đơn ông Mai Trọng M, bà Trần Thị T1 phải trả lại phần diện tích đất 66,1m^2 và số tiền 5 triệu đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Phần diện tích đất của bà Đinh Thị Minh H và các phần diện tích đất của bị đơn bà Lê Thị H1 và ông Nguyễn Văn T; ông Mai Trọng M và bà Trần Thị T1 đều có nguồn gốc được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, như giao đất không thu tiền sử dụng đất. Từ thời điểm cấp đất cho đến nay, phía nguyên đơn cũng như các gia đình bị đơn đều sử dụng ổn định, không có ý kiến gì về việc cấp giấy và không xảy ra tranh chấp. Hơn nữa, khi cơ quan chức năng tiến hành đo đạc cũng như được số hóa (định vị bằng vị trí tọa độ cố định). Theo ý kiến đại diện Văn phòng Đ1 chi nhánh H10 - Đ: việc cấp đất có sơ đồ theo định vị tọa độ thì không thể có chuyện phần diện tích đất của hai hộ liền kề trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chồng lấn lên nhau được, vì vị trí tọa độ là cố định không thể xê dịch. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn khẳng định UBND huyện H cấp giấy CNQSD đất cho gia đình bà hoàn toàn đúng quy định của pháp luật bà không có ý kiến gì. Ranh giới phần diện tích đất cấp cho nguyên đơn với bị đơn bà Lê Thị H1, ông Nguyễn Văn T được xác định bằng điểm vị trí tọa độ 37; 32 và với bị đơn Mai Trọng M, bà Trần Thị T1 được xác định bằng điểm vị trí tọa độ 38; 44 (theo sơ đồ xem xét thẩm định ở BL 105) là không xê dịch trên thực tế và trong ranh giới được định vị cụ thể nói trên qua xem xét thẩm định tại chỗ hội đồng thẩm định và tòa án cấp sơ thẩm đã kiểm tra không có bất kỳ công

trình, tài sản nào của các đồng bị đơn lấn chiếm vì vậy không có căn cứ chấp nhận cho yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Về yêu cầu buộc bị đơn bà Lê Thị H1, ông Nguyễn Văn T phải trả lại số tiền 25 triệu đồng; buộc bị đơn ông Mai Trọng M, bà Trần Thị T1 phải trả lại số tiền 5 triệu đồng. Qua việc cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đã thể hiện trong phần diện tích này của nguyên đơn không có bất cứ tài sản hay công trình nào của phía bị đơn bà Lê Thị H1 và ông Nguyễn Văn T; ông Mai Trọng M và bà Trần Thị T1, cũng như của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mai Trọng Q và chị Nguyễn Thị Thanh T3 xây dựng lấn chiếm. Việc xây dựng bờ rào cũng như các công trình của các bị đơn và người liên quan đều nằm ngoài, không có chồng lấn lên phần diện tích đất đã được cấp cho nguyên đơn bà H. Việc bà H tự xác định quyền sử dụng đất của mình theo 19 điểm vị trí tọa độ 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10; 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 19 (trong khi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà H chỉ có 06 điểm vị trí tọa độ) là đã vượt ra khỏi vị trí tọa độ đã được định vị cố định khi tiến hành cấp đất cho bà H, để từ đó làm căn cứ khởi kiện các bị đơn là đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của người sử dụng đất được quy định tại khoản 1 Điều 170 Luật Đất đai. Mặt khác, quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm nguyên đơn đã không yêu cầu giải quyết đối với phần bồi thường nói trên nên bản án sơ thẩm đã không đưa nội dung này vào xem xét cho nên cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét nội dung kháng cáo này. Từ các lập luận trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị Minh H là không có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị Minh H. Giữ nguyên bản án DSST số 08/2023/DSST ngày 24/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 169 của Bộ luật Dân sự;

Khoản 1 Điều 203; Điều 166, 170 Luật Đất đai;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Minh H.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Buộc nguyên đơn phải chịu 4.429.675đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Nguyên đơn đã nộp đủ tiền tạm ứng tại Tòa án, nay không phải nộp nữa.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho nguyên đơn.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND huyện Hương Sơn;
- Chi cục THADS Hương Sơn;
- Lưu: HS, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Lệ Thu